

Số: 55/BC-HGS

BÁO CÁO
Công khai các hoạt động giáo dục năm học 2024-2025

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường TH-THCS Hermann Gmeiner xây dựng báo cáo công khai năm học 2024-2025, như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở giáo dục: **Trường TH-THCS Hermann Gmeiner.**
- Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).
 - Địa chỉ: Phố 5, phường Thanh Trường, TP Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.
 - Địa chỉ thư điện tử: truonghgdbp@gmail.com
 - Địa chỉ website: <https://dienbien.hgs.edu.vn>
- Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp
 - Loại hình cơ sở giáo dục: Công lập.
 - Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND TP Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.
- Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

Nhà trường có môi trường sư phạm dân chủ, thân thiện, ưu tiên chất lượng giáo dục để dần tiếp cận với các trường chất lượng cao của thành phố, tiếp tục giữ vững tỉ lệ học sinh TN THCS thi đỗ vào các trường THPT chất lượng cao của tỉnh; định hướng nghề nghiệp phù hợp với năng lực của từng học sinh, tạo sự tin cậy của nhân dân trên địa bàn.

Xây dựng môi trường học tập thân thiện, học sinh được phát huy năng lực để phát triển tài năng của mình. Nhà giáo tích cực đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá.

- Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường TH&THCS Hermann Gmeiner Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên được thành lập theo Quyết định số 5997/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên hoạt động theo mô hình trường tư thục liên cấp và trực thuộc Tổ chức SOS và chính thức đi vào hoạt động giảng dạy từ năm học 2014-2015. Đến năm 2022, trường chính thức trở thành trường công lập trực thuộc

Ủy ban nhân dân thành phố Điện Biên Phủ và đổi tên thành trường TH-THCS Hermann Gmeiner theo Quyết định số 1927/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân TP Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Được sự quan tâm của Thành ủy, HĐND, UBND TP Điện Biên Phủ, Phòng Giáo dục và Đào tạo TP Điện Biên Phủ, cấp ủy, chính quyền địa phương nhà trường đã từng bước khẳng định được uy tín của mình về chất lượng giáo dục với nhiều học sinh đạt giải cấp huyện, cấp tỉnh; về cơ sở vật chất với hệ thống các phòng học, phòng chức năng, thư viện, phòng ở của học sinh bán trú được trang bị đầy đủ, cảnh quan sư phạm xanh – sạch – đẹp, trở thành địa chỉ tin cậy của nhân dân trên địa bàn

Trải qua 10 năm phấn đấu và trưởng thành, nhiều thế hệ thầy giáo, cô giáo và các em học sinh đã nối tiếp nhau tô thắm, làm dày thêm truyền thống nhà trường bởi những thành tích đáng tự hào:

Năm học 2024-2025 nhà trường đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ I, đạt kiểm định chất lượng mức độ II.

Nhiều năm liền đạt Chi bộ Đảng trong sạch vững mạnh, Chi bộ Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Nhiều năm liền trường đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Tập thể Lao động xuất sắc”; được UBND thành phố tặng Giấy khen, UBND tỉnh tặng Bằng khen.

Năm 2022 nhà trường vinh dự được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen cho những thành tích xuất sắc nhà trường đã đạt được trong giai đoạn 2017-2021.

6. Thông tin người đại diện pháp luật.

Họ và tên: Trần Văn Trắc.

Chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ nơi làm việc: Trường TH-THCS Hermann Gmeiner, TP Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Số điện thoại: 0943.118.116

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có):

- Trường được thành lập theo Quyết định số 1927/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân TP Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

- Quyết định thành lập Hội đồng trường: Quyết định số 275/QĐ-CTUBND ngày 31/1/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Điện Biên Phủ về việc Thành lập

Hội đồng trường TH-THCS Hermann Gmeiner nhiệm kỳ 2024-2029:

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1.	Ông Trần Văn Trắc	Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng - Chủ tịch HĐT
2.	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Hiệu trưởng
3.	Bà Hoàng Thị Phương Mai	Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn
4.	Ông Bé Thành Liệu	Phó Bí thư Đoàn - Tổ trưởng tổ THCS
5.	Bà Tạ Thị Huyền	Tổ trưởng tổ Tiểu học
6.	Bà Đặng Quỳnh Châu	Nhân viên
7.	Bà Bùi Thị Hồng Nhung	Tổ trưởng tổ Văn phòng
8.	Bà Phạm Thị Đơn	Trưởng ban Thanh tra nhân dân
9.	Bà Tạ Thị Lê	Phó Chủ tịch UBND phường Thanh Trường
10.	Bà Hoàng Thị Tiến	Trưởng Ban đại diện CMHS
11.	Đại diện học sinh	Liên đội trưởng

- Chủ tịch Hội đồng trường là ông Trần Văn Trắc – Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng được UBND TP Điện Biên Phủ công nhận tại Quyết định số 275/QĐ-CTUBND ngày 31/1/2024.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

- Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng số 497/QĐ-CTUBND ngày 08/5/2023.

- Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng số 1877/QĐ-UBND ngày 21/11/2023.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục: Ban hành kèm theo Quyết định số 97/QĐ-HGS ngày 23/9/2024.

- Là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều lệ trường THCS và THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học được ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.
 - Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.
 - Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.
 - Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.
 - Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.
 - Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
 - Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.
 - Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.
 - Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật
- đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

Hiệu trưởng:

Họ và tên: Trần Văn Trắc.

Chức vụ: Hiệu trưởng.

Số điện thoại: 0943 118 116.

Địa chỉ thư điện tử: tranvantrac2009@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Trường TH-THCS Hermann Gmeiner, TP Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Nhiệm vụ: Thực hiện theo Quy chế làm việc ban hành kèm theo Quyết định số 99/QĐ-HGS ngày 23/9/2023.

Phó Hiệu trưởng:

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hương.

Số điện thoại: 0842 098 045

Địa chỉ thư điện tử: huongtoandb@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Trường TH-THCS Hermann Gmeiner, TP Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Nhiệm vụ: Thực hiện theo Quy chế cơ quan ban hành kèm theo Quyết định số 99/QĐ-HGS ngày 23/9/2023.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng

trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có):

- Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục giai đoạn 2022-2027, tầm nhìn 2030 (kế hoạch số 112/KH-HGĐBP ngày 09/9/2022).

- Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục ban hành kèm theo Quyết định số 88/QĐ-HGS ngày 14/9/2024.

- Kế hoạch giáo dục năm học 2024-2025 (Kế hoạch số 63/KH-HGS ngày 30/8/2024 cấp Tiểu học; kế hoạch số 64/KH-HGS ngày 30/8/2024 cấp THCS).

- Quyết định số 52/QĐ-HGS ngày 30/8/2024 về việc bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó năm học 2024-2025.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo:

Stt	Vị trí	Tổng	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I
I	Vị trí lãnh đạo, quản lý									
1	Vị trí Hiệu trưởng	1		1					1	
2	Vị trí phó hiệu trưởng	1		1					1	
II	Vị trí làm việc chức danh nghề nghiệp chuyên môn									
2.1	Vị trí giáo viên TH	8		8				7	1	
1.	Giáo viên văn hóa	7		7				5	2	
2.	Âm nhạc	1		1				1		
2.2	Vị trí giáo viên THCS	8		5				6	2	
1.	Thể dục	0								
2.	Âm nhạc	0								
3.	Mỹ thuật	0								
4.	Tin học	1		1				1		
5.	Tiếng Anh	1		1				1		
6.	Ngữ văn	1		1				1		

Stt	Vị trí	Tổng	Thạc sĩ	Đại học 1	Cao đẳng	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I
7.	Lịch sử	1						1		
8.	Địa lý									
9.	Toán học	3						1	2	
10.	Vật lý									
11.	Hóa học	1		1				1		
12.	Sinh học	1		1				1		
2.3	Vị trí việc làm khác									
1.	Thiết bị, thí nghiệm	0								
2.4	Giáo vụ	0								
3.	Tư vấn học sinh	0								
4.	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0								
III	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung									
1.	Vị trí việc làm Văn thư	0								
2.	Vị trí việc làm Kế toán	2		1	1					
3.	Vị trí việc làm Văn thư	0								
4.	Vị trí việc làm Thủ quỹ	0								
5.	Vị trí việc làm y tế	1				1				
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	2		1			1			
1.	Vị trí việc làm nhân viên bảo vệ trường học	1					1			
2.	Vị trí làm việc nhân viên phục vụ	1								
3.	Vị trí làm việc nhân viên nấu ăn			1						

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định:

- Đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng: Tốt: 2/2 đạt 100%.
- Chuẩn nghề nghiệp giáo viên: 17/17 đạt 100%.

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 24/24 đạt 100%.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

- Diện tích trường: 15.344 m²
- Bình quân/học sinh: 63.1 m² (Theo quy định: 10 m²)

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

Stt	Loại hình	Thời điểm 25 tháng 6 năm 2025			Quy định tại Thông tư 13/2020/TT BGDDT	
		Số lượng	Diện tích	Bình quân/hs	Yêu cầu tối thiểu	Ghi chú
I.	Khối phòng hành chính quản trị	7			6	
1.	Phòng Hiệu trưởng	1	16		1	
2.	Phòng Phó Hiệu trưởng	1	16		1	
3.	Văn phòng	1			1	
4.	Phòng bảo vệ	1	12		1	
5.	Khu để xe GV	1	60		1	
6.	Khu vệ sinh giáo viên	2	16		1	
II	Khối phòng học tập	17				

Stt	Loại hình	Thời điểm 25 tháng 6 năm 2025			Quy định tại Thông tư 13/2020/TT BGDDT	
		Số lượng	Diện tích	Bình quân/hs	Yêu cầu tối thiểu	Ghi chú
1.	Phòng học	9	486	2.0	1,5m ² /hs	45m ² /phòng
2.	Phòng KHTN	1	58	0.59	1,85m ² /hs	60m ² /phòng
3.	Phòng KHXH	1	46	0.47	1,5m ² /hs	60m ² /phòng
4.	Phòng Công nghệ	1	51	0.53	2,25m ² /hs	60m ² /phòng
5.	Phòng Khoa học – Công nghệ (cấp Tiểu học)	1	54	0.37	1,85m ² /hs	60m ² /phòng
6.	Phòng Âm nhạc	1	46	0.19	2,25m ² /hs	60m ² /phòng
7.	Phòng Mỹ thuật	1	51	0.21	2,25m ² /hs	60m ² /phòng
8.	Phòng Tin học	1	51	0.21	1,85m ² /hs	60m ² /phòng
9.	Phòng Ngoại ngữ	1	54	0.22	1,85m ² /hs	60m ² /phòng
10.	Phòng đa chức năng	0				
III	Khối phòng hỗ trợ học tập	3				
1.	Phòng Thư viện	1	51	0.21	0,60m ² /hs	60m ² /phòng
2.	Phòng Tư vấn học đường	0				
3.	Phòng Đảng, Đoàn, Đội	1	51	0.21	0,03m ² /hs	
4.	Phòng Truyền thống - HĐ	1	72			72m ² /phòng
		9				
IV	Khối phụ trợ	0				
1.	Phòng Hội đồng	1			1,20m ² /ng	
2.	Phòng họp nhỏ		10		1,20m ² /ng	

Stt	Loại hình	Thời điểm 25 tháng 6 năm 2025			Quy định tại Thông tư 13/2020/TT BGDDT	
		Số lượng	Diện tích	Bình quân/hs	Yêu cầu tối thiểu	Ghi chú
3.	Phòng các tổ chuyên môn	1	18			30m ² /phòng 24m ² /phòng
4.	Phòng Y tế	1	12			48m ² /kho
5.	Nhà kho	3	24			
6.	Khu để xe HS	1	60	0.25	0,90m ² /xe	
7.	Khu vệ sinh HS	2	40	0.16	0,06m ² /hs	
V	Khu sân chơi, thể dục thể thao					
1.	Sân trường	1	800	3.3	1,50m ² /h	
2.	Sân thể thao	1	2000	8.2	s	
3.	Nhà đa năng	0			0,35m ² /h	
VI	Khối phục vụ sinh hoạt Nhà bếp Kho				s	
1.	bếp					
2.	Nhà ở nội trú					
3.	học sinh Phòng quản trú					
4.						

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

- Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu:

+ Cấp Tiểu học: 5/5 bộ; Số bộ/lớp: 1/1 bộ.

+ Cấp THCS: 4/4 bộ; Số bộ/lớp: 1/1 bộ.

- Số máy tính đang sử dụng: 27; ti vi: 10 cái; Cát xét: 10 cái; Máy chiếu/máy chiếu vật thể: 15 cái; Loa kéo: 03 cái; Tủ âm, loa: 1 bộ.

Hàng năm nhà trường đều tổ chức rà soát, xây dựng kế hoạch mua sắm để bổ sung kịp thời cho năm học.

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Danh mục sách giáo khoa lớp 9 từ năm học 2024-2025: Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh Điện Biên.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

Căn cứ Thông tư số 18/2020/TT-BGDĐT, hàng năm nhà trường đều xây dựng và thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục năm học 2024-2025:

Tiêu chuẩn, Tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1		x	x	x
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	-
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	-
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	-
Tiêu chí 1.8		x	x	-
Tiêu chí 1.9		x	x	-
Tiêu chí 1.10		x	x	-
Tiêu chuẩn 2		x	x	x
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chí 2.4		x	x	x

Tiêu chuẩn 3		x	x	x
Tiêu chí 3.1		x	x	-
Tiêu chí 3.2		x	x	x
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	-
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	x
Tiêu chuẩn 4		x	x	x
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5		x	x	x
Tiêu chí 5.1		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	-
Tiêu chí 5.5		x	x	-
Tiêu chí 5.6		x	x	x
		x	x	x

Kết quả: Đạt mức 2

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		x	
Tiêu chí 2	x		
Tiêu chí 3	x		
Tiêu chí 4		x	
Tiêu chí 5		x	
Tiêu chí 6	x		

Kết quả: Không đạt Mức 4

2. Kết luận: Trường đạt Mức 2

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

Năm học 2024-2025, trường TH-THCS Hermann Gmeiner thực hiện theo Công văn số về đánh giá ngoài. Thời gian tháng 10/2024, kết quả của đoàn đánh giá ngoài: Công nhận trường TH-THCS Hermann Gmeiner đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 theo Quyết định số 1515/QĐ-SGDĐT ngày 30/12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên và Công nhận trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 theo Quyết định số 2410/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Điện Biên.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Điều 9. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

a) Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

Căn cứ Công văn hướng dẫn tuyển sinh số 626/PGDĐT-GDMN ngày 06/5/2025 của Phòng GD&ĐT TP Điện Biên Phủ về việc huy động trẻ mầm non đến trường và tuyển sinh lớp 1 năm học 2025-2026; Kế hoạch số 729/PGDĐT-THCS ngày 26/5/2025 của Phòng GD&ĐT về việc Hướng dẫn thực hiện Kế hoạch tuyển sinh lớp 6 năm học 2025-2026, Trường TH-THCS Hermann Gmeiner đã ban hành kế hoạch tuyển sinh năm học 2025-2026 (kế hoạch số 40/KH-HGS ngày 09/5/2025).

1. Đối tượng tuyển sinh:

- Đối với lớp 1: Tổ chức xét tuyển 100% học sinh trong độ tuổi đã được công nhận hoàn thành chương trình mẫu giáo.

- Đối với lớp 6: Học sinh trong độ tuổi quy định đã hoàn thành chương trình tiểu học. Những trường hợp đặc biệt:

+ Những học sinh được học vượt lớp hoặc học sinh được vào học tiểu học

độ tuổi cao hơn tuổi quy định thì tuổi vào lớp 6 được giảm hoặc tăng căn cứ vào tuổi của năm tốt nghiệp tiểu học.

+ Học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, học sinh ở nước ngoài về nước có thể vào cấp học cao hơn 3 tuổi so với tuổi quy định.

+ Học sinh không được lưu ban quá 3 lần trong một cấp học.

2. Chỉ tiêu tuyển sinh:

Tuyển 100% số học sinh hoàn thành chương trình tiểu học trên địa bàn phố 4,5,6 phường Thanh Trường và học sinh các xã, phường có nguyện vọng học tại trường, số đối tượng phải PCGD THCS và theo dõi.

3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

4. Thời gian tuyển sinh

- Nhận hồ sơ lớp 1: Từ ngày 01/6/2025, đến ngày 15/7/2025.

- Lớp 6: Từ ngày 01/6/2025 đến ngày 20/6/2025.

b) Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục:

Năm học 2024-2025, nhà trường đã ban hành kế hoạch giáo dục (Kế hoạch số 63/KH-HGS ngày 30/8/2024 – Cấp Tiểu học; Kế hoạch số 64/KH-HGS ngày 30/8/2024 – Cấp THCS) xác định chỉ tiêu, nhiệm vụ, chương trình giáo dục:

- Quy định thời gian học:

+ Học kỳ I: Từ ngày 06/9/2024 - 15/01/2025.

+ Học kỳ II: Từ ngày 16/01/2025 - 24/5/2025.

- Quy định số tiết dạy:

*** Cấp Tiểu học:**

A. Môn học và hoạt động giáo dục	Số tiết/học kỳ 2				
	Lớp1	Lớp2	Lớp 3	Lớp4	Lớp5
Tiếng Việt	204	170	119	119	136
Toán	51	85	85	85	85
Tiếng Anh	0	0	68	68	68
Đạo đức	17	17	17	17	17
Tự nhiên – Xã hội	34	34	34	0	0
Lịch sử và Địa lí	0	0	0	34	34
Khoa học	0	0	0	34	34
Tin học	0	0	17	17	34
Công nghệ	0	0	17	17	0
Giáo dục thể chất (Thể dục lớp 5)	34	34	34	34	34
Nghệ thuật (Âm nhạc)	17	17	17	17	17
Nghệ thuật (Mỹ thuật)	17	17	17	17	17
Hoạt động trải nghiệm	51	51	51	51	0
Kĩ thuật lớp 5	0	0	0	0	17
Hoạt động giáo dục lớp 5	0	0	0	0	34
Tăng cường tiếng Việt	17	17	17	0	0
Đọc sách tại thư viện	17	17	17	17	17
Tổng số tiết học bắt buộc/học kỳ 2	459	459	510	527	544

B. Tự chọn					
Tiếng Anh	34	34	0	0	0
Câu lạc bộ	17	17	17	17	17
Tiếng dân tộc (Dân tộc Thái hoặc dân tộc Mông)	34	34	34	34	34
Tổng số tiết tự chọn/học kỳ 2	85	85	51	51	51

*** Cấp THCS:**

T T	Môn	Lớp 6			Lớp 7			Lớp 8			Lớp 9		
		học I	HK II	CN	HK I	HK II	CN	HK	HK II	CN	HK I	HK II	CN
Môn học bắt buộc													
1	Ngữ văn	72	68	140	72	68	140	72	68	140	72	68	140
2	Lịch sử	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105
	Địa lý	72	68	140									
3	Ngoại ngữ	72	68	140	54	51	105	54	51	105	54	51	105
4	Toán				72	68	140	72	68	140	72	68	140
5	Khoa học tự nhiên				72	68	140	72	68	140	72	68	140
6	GDCD	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35
7	Công nghệ	18	17	35	18	17	35	18	34	52	18	34	52
8	Mĩ thuật	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35
	Âm nhạc	18	34	70	18	17	35	18	17	35	18	17	35
			17	35									
9	GDTC	36			36	34	70	36	34	70	36	34	70
10	Tin học	18			18	17	35	18	17	35	18	17	35
Hoạt động giáo dục bắt buộc													
11	HĐTN	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105

Nội dung giáo dục của địa phương													
12GDĐP	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	
Tổng số tiết	522	493		522	493		522	510		522	510		
Số tiết/tuần Cả năm học	1.015/35 tuần = 29 tiết			1.015/ 35 tuần = 29 tiết			1.032/ 35 tuần = 1.032/ 35 tuần = 29,5 tiết			1.032/ 35 tuần = 29,5 tiết			

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh;

Hàng năm nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh xây dựng kế hoạch phối hợp việc chăm sóc, giáo dục học sinh, với các nội dung chủ yếu sau:

Về phía nhà trường

- Nhà trường xây dựng triển khai kế hoạch năm học, phối hợp chặt chẽ với Ban đại diện CMHS trong việc giáo dục đạo đức và quản lý học sinh; chăm lo các điều kiện phục vụ cho việc học tập, rèn luyện và phát triển của học sinh.

- Thông báo chất lượng học tập và rèn luyện của học sinh vào giữa, cuối học kỳ I và cuối năm học.

- Tổ chức họp phụ huynh theo định kỳ ít nhất 3 lần/năm để thông báo tình hình học tập rèn luyện của học sinh và đưa ra giải pháp cùng phối hợp giáo dục học sinh. Xin ý kiến CMHS để có biện pháp giáo dục hiệu quả.

- Hiệu trưởng chịu trách nhiệm phối hợp với Trưởng ban đại diện CMHS sử dụng kinh phí của Ban đại diện cha mẹ học sinh trường theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thông báo kịp thời các hiện tượng tiêu cực xảy ra ở trong trường để hội phụ huynh học sinh và địa phương nắm được.

- Kết hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh trao đổi tổ chức thành công các ngày lễ lớn như: Lễ khai giảng, 20/11... các hoạt động ngoại khóa bộ môn, tiết học thực tế, sinh hoạt chuyên đề, hoạt động trải nghiệm....

Ban đại diện CMHS

- Ban đại diện hội cha mẹ học sinh tổ chức hoạt động theo Điều lệ Ban ĐD CMHS do Bộ GD&ĐT ban hành kèm theo Thông tư số 55/2011/TT BGDDT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Ban đại diện cha mẹ học sinh trường phối hợp với Hiệu trưởng và ban liên tịch nhà trường tìm ra những biện pháp hữu hiệu để cho HS học tập tốt nhất. Có trách nhiệm quản lý HS học tập, sinh hoạt trong thời gian tự học và dịp nghỉ hè.

- Phối hợp và đề xuất với nhà trường về việc giáo dục đạo đức cho HS; động viên khuyến khích những HS đạt kết quả cao trong học tập, HSG các môn văn hóa; bồi dưỡng HS Yếu- Kém; tìm hiểu hoàn cảnh gia đình, vận động HS có nguy cơ bỏ học tiếp tục đến trường.

- Phối hợp với nhà trường giáo dục ý thức chấp hành pháp luật cho HS nhằm hạn chế đến mức thấp nhất việc vi phạm pháp luật của HS, nhất là bạo lực học đường, HS đi xe máy không đúng qui định và các tệ nạn xã hội khác.

- Động viên kịp thời đối với các thầy, cô giáo nhân các ngày lễ lớn, đặc biệt là ngày 20/11.

- Có trách nhiệm tổng hợp các ý kiến, tâm tư, nguyện vọng của phụ huynh các lớp báo cáo với Hiệu trưởng để tìm ra những biện pháp giải quyết hữu hiệu nhất.

- Phối hợp với nhà trường làm tốt công tác vận động tài trợ cho giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy và học trong nhà trường.

- Thường xuyên nắm bắt tình hình trong dạy và học của nhà trường để kịp thời góp ý để nhà trường khắc phục những hạn chế và thực hiện thành công những chỉ tiêu đã đề ra trong năm học 2024-2025.

- Vận động kinh phí tổ chức khen thưởng HS HKI và cuối năm học.

- Công khai thu chi quỹ hội CMHS trường trong các kỳ họp Ban ĐDCMHS.

- Trưởng ban ĐDCMHS xây dựng kế hoạch hoạt động của Ban ĐDCMHS từng năm học, có trách nhiệm báo cáo tổng kết hoạt động trước hội nghị CMHS đầu năm học; Chủ trì các cuộc họp Ban ĐDCMHS cùng nhà trường.

- Cùng nhà trường ký kết thực hiện ATGT, và các chương trình khác theo yêu cầu nâng cao chất lượng dạy và học cho từng năm học.

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học

sinh ở cơ sở giáo dục: Nhà trường phối hợp với tổ chức Đoàn thanh niên của Làng trẻ em SOS, của xã, phường để quản lý, tổ chức sinh hoạt hè cho học sinh.

đ) Thực đơn hằng ngày của học sinh: Được công khai tại khu bếp ăn, cổng thông tin điện tử của nhà trường.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế năm học 2024-2025:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường;

TT	Số liệu	Năm học 2023 -2024	Năm học 2024-2025
1	Tổng số học sinh	238	244
	Nữ	104	105
	Dân tộc thiểu số	94	93
	Khối lớp 1	32	23

	Khối lớp 2 Khối lớp 3 Khối	28	31
	lớp 4 Khối lớp 5 Khối lớp 6	37	28
	Khối lớp 7 Khối lớp 8 Khối	28	34
	lớp 9 Tổng số tuyển mới	31	30
	Học 2 buổi/ngày Bình quân	25	35
	số học sinh/lớp Số lượng và	20	25
	tỷ lệ % đi học	19	20
	đúng độ tuổi	18	18
2	- Nữ		
2	- Dân tộc	57	56
3	Khuyết tật	238	146
4		26	27
5		$224/238 = 94.1$	$229/244 = 94.2\%$
		$99/104 = 95.2$	$100/105 = 95.3$
		$83/94 = 88.3$	$83/93 = 89.2$
		2	1

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp:

* **Khối Tiểu học:** Tổng số 146 em học sinh chia thành 05 lớp, trong đó:

- Môn học và các hoạt động GD: Hoàn thành Tốt: $94/146 \text{ em} = 64.4\%$; Hoàn thành: $52/146 = 35.6\%$; Chưa hoàn thành: 0

- Năng lực: Tốt $102/146 = 69.9\%$, Đạt $44/146 = 30.1\%$, Cần cố gắng: 0

- Phẩm chất: Tốt $110/146 = 75.3\%$, Đạt $36/146 = 24.7\%$, Cần cố gắng: 0

* **Khối THCS:** Tổng số có 98 học sinh chia thành 04 lớp, trong đó:

- Kết quả học tập: Tốt: $24/98 = 24.5\%$; Khá: $33/98 = 33.7\%$; Đạt: $41/98 = 41.8\%$; CD: 0

- Kết quả rèn luyện: Tốt: $78/98 = 79.6\%$; Khá: $20/98 = 20.4\%$; Đạt, CD: 0

* Học sinh được lên lớp: $244/244$ đạt 100%

* Học sinh lưu ban: 0

* **Chất lượng các cuộc thi, hội thi:**

- Thi chọn Học sinh giỏi các môn văn hóa lớp 9: Cấp thành phố đạt 01 giải

Ba, 03 giải Khuyến khích; Cấp tỉnh đạt: 02 giải ba, 01 giải Khuyến khích.

- Thi KHKT cấp thành phố: 01 dự án KHKT đạt giải KK.

- Thi Sáng tạo TTN: đạt 01 giải Khuyến khích.

- Các cuộc thi trên mạng:

* Cấp THCS:

- Thi IOE đạt: Cấp trường 04 giải; Cấp thành phố: 03 giải; cấp tỉnh 03 giải; Cấp Quốc gia: 01 giải.

- Thi Toán Violympic: Cấp trường 04 giải; cấp thành phố: 09 giải; cấp tỉnh 03 giải; cấp Quốc gia 0.

- VioEdu: 01 giải cấp tỉnh môn Tổng hợp.

* Cấp Tiểu học: Học sinh Tiểu học tham gia các cuộc thi Toán trên mạng; Trạng nguyên Tiếng Việt; Tiếng anh trên mạng đạt giải cấp trường: 133 em.

- Thi IOE đạt: cấp trường 08 giải; đạt cấp thành phố: 04 giải; cấp tỉnh 05 giải.

- Thi Toán Violympic: cấp trường 58 giải; cấp thành phố: 52 giải; cấp tỉnh 23 giải; cấp Quốc gia 4.

- Trạng nguyên Tiếng Việt: cấp thành phố: 39 giải; cấp tỉnh 16 giải.

- VioEdu: 03 giải cấp tỉnh môn Tổng hợp, 04 giải cấp tỉnh môn Tiếng Anh.

- Các hoạt động phong trào, hoạt động thi đua cũng được nhà trường thực hiện nghiêm túc, đạt hiệu quả cao.

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh

được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

- Số HS được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học: 31/31 đạt 100%

- Số HS được công nhận tốt nghiệp THCS: 18/18 đạt 100%.

- Số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp: 02.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Số T T I	Nội dung	Năm 2024	6 tháng đầu năm 2025	
			Dự toán giao năm 2025	Đã chi đến ngày 30/06/2025
1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ	3.228.220.80 4	4.963.261.00 0	2.330.614.59 7
2	Tiền lương	1.494.904.98 3		1.097.082.81 1
	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	122.918.300		46.320.000

3	Phụ cấp lương (chức vụ, khu vực, ưu đãi nghề, thâm niên...)	1.023.166.033		738.708.351
4	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	11.828.000		
5	Phúc lợi tập thể	6.442.240		
6	Các khoản đóng góp (BHXH, BHYT, BHTN, kinh phí công đoàn)	380.433.769		298.631.027
7	Thanh toán dịch vụ công cộng (điện, nước)	33.027.918		17.866.323
8	Văn phòng phẩm, vật tư khác	20.928.834		2.250.000
9	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	36.674.427		1.071.085
10	Công tác phí	4.500.000		2.025.000
11	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	40.144.000		103.960.000
12	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	690.000		
13	Mua sắm tài sản vô hình	17.487.800		
14	Chi khác	35.074.500		20.500.000
	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	1.532.538.794		2.200.000
II	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, cán bộ đi học	81.936.000	521.820.000	389.465.000
1	Tiền thưởng	94.000.000		44.430.000
2	Vật tư văn phòng	70.615.000		
3	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	45.805.000		126.178.264
4	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	1.022.072.000		
5	Mua sắm tài sản vô hình	162.795.794		159.105.000
6	Chi khác	20.190.000		47.536.736
7		35.125.000		
8		4.760.759.598		12.215.000
	Tổng cộng		5.485.081.000	2.720.079.597

***Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc ngày 25/6/2025:**

- Số dư quỹ tiền mặt: Không.
- Số dư tiền gửi kho bạc: 19.448.886
- Số dư tiền gửi tại ngân hàng: 39.479.219

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm khác của trường và của ngành. Trong đó tập trung các nhiệm vụ chủ yếu như sau:

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo.
2. Huy động dân số trong độ tuổi đến trường, đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng.
3. Duy trì và giữ vững chất lượng giáo dục nhà trường. Tỉ lệ học sinh thi đỗ trường chuyên, trường PTDTNT tỉnh cao hơn so với năm học trước.
4. Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý nâng cao về chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo.
5. Sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước.
6. Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục quốc phòng, an ninh và giáo dục thể chất, y tế trường học.
7. Đẩy mạnh chuyển đổi số, cải cách hành chính (tự đánh giá đạt mức II).
8. Thực hiện tốt công tác kiểm tra nội bộ trường học.
9. Làm tốt công tác truyền thông giáo dục.
10. Thực hiện hiệu quả các phong trào thi đua do Ngành và các cấp phát động.

Trên đây là báo cáo công khai năm học 2024-2025 của Trường TH-THCS Hermann Gmeiner./.

Nơi nhận:

- CBGVNV(t/h);
- Lưu: VT



HIỆU TRƯỞNG

Trần Văn Trắc